

## ● TIỂU THUYẾT CÔNG GIÁO



## QUỶ XUNG TỘI

Kỳ 50

MA VĂN LIÊU

(Phần 1 kỳ 50)

Câu chuyện dài mấy đã kể phải kể cho xong nên kỳ 49 kéo dài đến 6 lần; nay xin trở lại với dòng thời gian cũ, lúc tôi đang học ở đại chủng viện vào năm thứ 2 thần học.

Lúc ấy, trong lớp tôi có một đại chủng sinh gương mặt lúc nào cũng trang nghiêm, thâm trầm gằn như nhuốm vẻ u buồn bất tận, bạn bè hồn nhiên đùa giỡn chọc ghẹo gọi là anh chàng “nghiêm và buồn”. Dẫu đẹp trai, khôi ngô, tuấn tú không bằng nhiều bạn khác, nhưng vì người có gương mặt và tính khí trầm lặng ít nói vừa tự tạo một vẻ đẹp riêng – sự ít nói thường tạo chiều sâu nội tâm trên gương mặt- vừa dễ khiến người xung quanh thận trọng khi giao tiếp, từ đó người xung quanh có thái độ “kính nhi viễn chi” (1) với anh ta. Tôi thì ngược lại, người như vậy tôi không thể ở xa mà “kính”; dường như tôi bị thách thức thâm nhập để tìm hiểu. Nhớ lại hồi mới vào thần học năm 1 sau vài tuần, một hôm tôi giả bộ cầm nhầm quyển bài tập của anh ta nhân cha giáo trả lại bài tập đã chấm; không thấy quyển bài tập của mình, anh ta lặng thinh chứ không kêu âm lên như mấy “tay lác cắc” khác; cuối giờ học tôi mang quyển tập đến tận bàn học của anh ta trả lại với lời xin lỗi ra vẻ hết sức thành khẩn. Chẳng mấy chốc chúng tôi thân nhau. Từ đó cứ sau mỗi bữa ăn tối xong, tôi và Thời – tên anh ta- đi bách bộ rồi kể nhau nghe nhiều chuyện vui buồn riêng tư.

Một hôm Thời hỏi tôi:

- *Bạn nhất quyết làm linh mục mới được à?*

Tôi hỏi lại:

- *Ừ! Ông hỏi gì kỳ vậy!... Không nhất quyết mà tôi còn ở đây cho ông thấy à?*

Thời hơi lúng túng một lúc rồi nói:

- *Ừ mà tôi nghĩ... không nhất quyết làm linh mục vẫn cứ ở đây cũng được chứ sao! Nhiều ông phó tế bỏ cuộc vào cuối năm thứ 4 (2) như chơi! Làm sao biết ai là ai!*

Tôi chẳng biết nói gì, cúi đầu vừa đếm bước vừa suy nghĩ những gì Thời vừa nói để hiểu cho ra ý tứ của anh ta.

- *Ông giận tôi đó à? – Thời bỗng hích cùi chỏ vào cánh tay tôi hỏi-*

- *Không! Không! Mình đâu có giận! Chỉ là không biết ông nói như vậy với ý gì nên suy nghĩ vậy thôi mà!*

Thời im lặng một lúc bỗng thổ lộ:

- *Mình... có lẽ... không theo đuổi ơn gọi tới cùng đâu!... Mình không làm linh mục đâu!...*

Tôi nhìn Thời. Dù trời đêm ấy tối mịt, nhưng ngoài trời phía sân sau đại chủng viện cũng vẫn hui hắt vài mảng ánh sáng mờ mờ từ đèn trong phòng ở đằng xa kia hắt ra, tôi nhìn thấy cặp mắt của Thời long lanh, cặp mắt ấy không có chút gì đùa cợt, ngược lại, hình như mang một tâm trạng gì đó rất uẩn khúc. Tôi hỏi:

- *Ông đã có ý định này từ lâu, hay vừa mới có gần đây?*

- *Từ lâu! Từ rất lâu! Có thể nói ngay từ trước khi bước chân vào học thần học năm thứ nhất.*

Tôi kêu lên với vẻ mỉa mai:

- *Hay thiệt! Vậy mà ông vẫn cứ tu tác tinh rụi! Nào đọc kinh, nguyện gẫm, nào thánh lễ, tĩnh*

tâm, nào học hành, luyện tập... tất cả đều chuyên cần nghiêm túc như ai... thậm chí còn gương mẫu hơn cả bọn này nữa kia!... Để làm gì vậy thưa ông thầy... Thời?

Thời cười. Tôi hơi giận nên nói nhanh:

- *Trông bộ dạng của tôi mắc cười lắm à?*

Thời khoác vai tôi vừa làm hòa vừa năn nỉ:

- *Ông làm gì... dữ quá vậy?... Ông làm tôi quỳnh hết đây nè!... Thôi đừng giận! Những gì tôi nói đều là sự thật. Ngày mai chúa nhật, ông bỏ một buổi “sortie libre” (đi ra ngoài tự do), hãy để dành một buổi sáng ấy, tôi sẽ kể ông nghe chuyện tâm tư của tôi, lúc đó ông sẽ hiểu ý tứ những gì tôi vừa nói.*

...

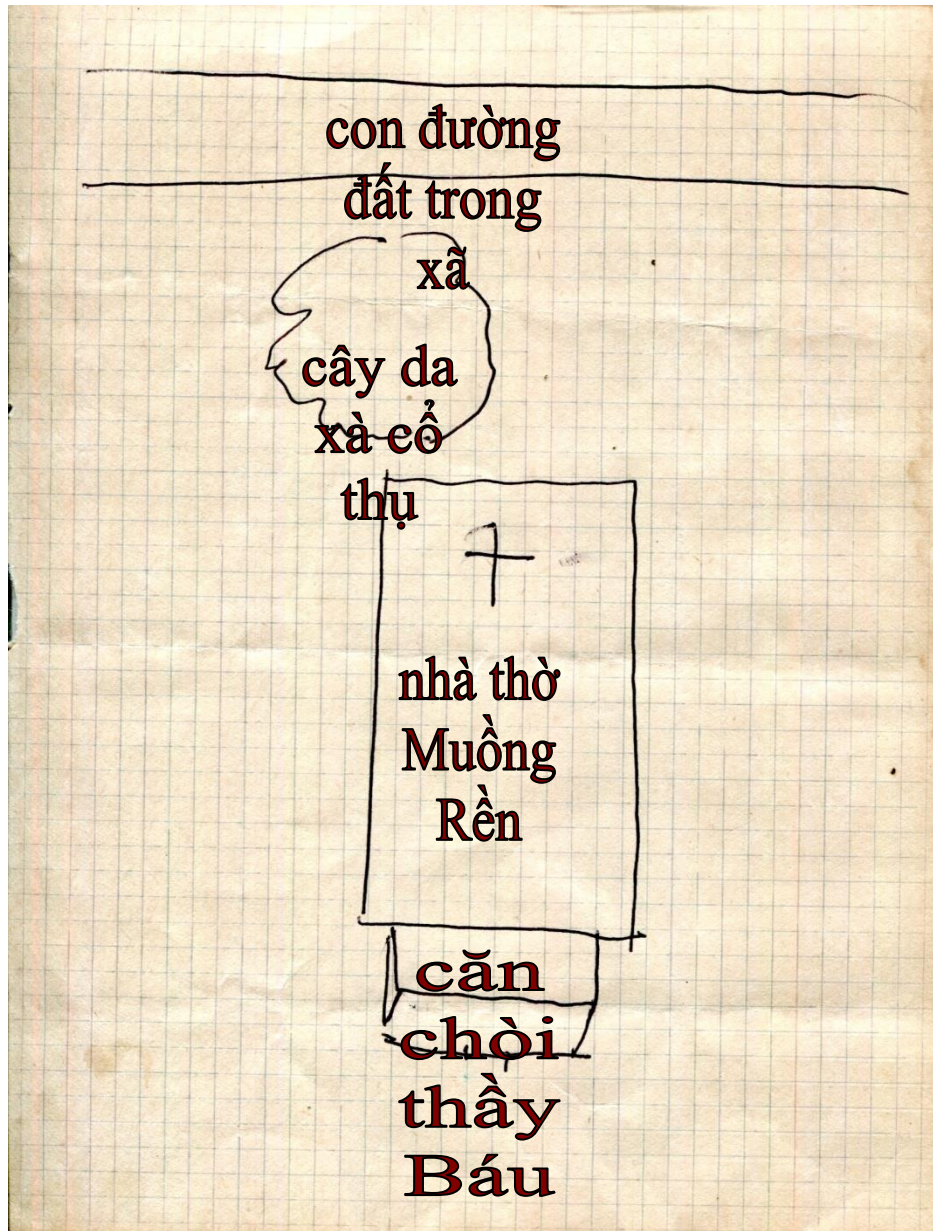
Sáng hôm sau chúa nhật, tôi gác lại công việc đã ước hẹn với mấy người bạn lớp nhỏ, vào phòng Thời ngồi trên ghế cạnh bàn học của anh ta, anh ta ngồi khoanh tròn 2 chân trên giường mình rồi rí rả kể chuyện. Anh ta bắt đầu như sau:

*Một chú em họ con cậu Chín của mình cũng là đại chủng sinh trạc tuổi chúng ta thuộc địa phận X. Chú ta có lẽ còn “tu kỹ” hơn bọn mình nhiều, thế mà đang đi giúp xứ bồng xảy ra chuyện. Vì chuyện ấy mà cậu Chín của mình sinh bệnh rồi mất, Mẹ Chín sau hai cú sốc lớn ấy cũng bệnh đến bán thân bất toại, gia đình Cậu Mẹ giống như có đại tang, riêng mình thì hoang mang đến cùng cực... và rồi chao đảo đến tận hôm nay. Đó là...*

*Năm giúp xứ cuối cùng chú ấy được sai về một họ đạo rộng lớn và cổ kính cùng với hai anh chàng tu muôn (3). Tính chú ấy không bon chen, chẳng mưu mô tranh chấp nên không bao lâu, nhường cho hai anh chàng tu muôn ở lại họ đạo lớn, còn mình thì tình nguyện xách gói về giúp một họ lẻ cách xa họ đạo chính gần chục cây số nằm ven bờ biển, với dân tình thưa thớt, nghèo đói và thất học. Chú ấy tên là Báu.*

*Báu ở trong một căn phòng... đúng hơn là cái chòi, che núp bóng và tiếp nối với đuôi nhà thờ vách tôn nhỏ xíu. Mình đến thăm Báu một lần hoảng quá không dám đến lần nào nữa. Ác nhơn chưa! –Thời vừa tự trách vừa lắc đầu với vẻ đầy hối hận- Vì Báu sinh sống với tiện nghi quá tối thiểu. Thử nghĩ... giáo dân vài chục người, lại ở rải rác xa nhau; mỗi chúa nhật năm mươi người đến nhà thờ đọc kinh rồi lẹ lẹ ra về; mỗi tháng –không đều đặn, tháng có tháng không- cha phó đến dâng thánh lễ một lần cho cũng bằng ấy người tham dự... thì sự hiện diện của Báu nơi đó - sau lưng nhà thờ u tịch vắng vẻ- khác gì một cái bóng phát phơ và cô độc giữa một nơi quanh quẽ đến buồn đứt ruột. Báu nói “...thôi kệ, cố sống để làm chứng...” thì tôi lại nghĩ bụng “có ai thêm đâu mà làm chứng!”. Mọi sự việc sắp kể ra đây do tôi và mọi người thu thập từ bốn nguồn: một là từ chính miệng Báu tự thuật, hai là từ miệng của giáo dân của Báu kể lại, ba là từ lời kể khách quan của bà con bên lương sống xa xa nhưng quanh nhà thờ, bốn là từ miệng Bà Cậu Hai Chon, tay đồng bóng nức tiếng trong vùng. Mình lần lượt kể ông nghe từng nguồn để ông cũng sẽ gộp lại thành một câu chuyện bi ai có thật.*

Trước khi kể tiếp, Thời lấy giấy bút ra vẽ sơ đồ khu nhà thờ họ lẻ Muồng Rền –họ lẻ đang sắp kể- và căn chòi của Báu. Vẽ xong Thời để trước mặt tôi và bắt đầu câu chuyện.



Nét bút của thầy Thời trên giấy ca-rô lâu ngày bị ngả màu, vẽ địa hình căn chòi của thầy Báu. (Những chữ ghi chú do tòa soạn mới điền vào).

Thời kể tiếp.

Trước tiên mình tóm tắt những lời Báu kể. Một buổi chiều cuối tháng chín trời sập tối mưa rúc rắc, Báu đang nằm đu đưa trên võng bỗng nghe tiếng bước chân. Một phụ nữ tay bồng con đến đứng ở cửa căn chòi nhìn vào. Báu ngạc nhiên ngồi dậy chào hỏi, rồi don đả đứng lên mời người phụ nữ mặc chiếc áo bà ba màu rêu sậm sòn cũ, quần đen, tóc xõa, dáng vẻ nghèo nàn... vào, rồi mời ngồi trên chiếc ghế độc nhất trong căn chòi, còn mình thì ngồi trên giường, cách người phụ nữ vài thước.

Báu vặn cho ngọn đèn dầu hơi lớn lên một chút và dịu dàng hỏi xem người phụ nữ cần gì.

Người phụ nữ trạc 30 tuổi, đẹp không thể tả, tay chân trắng nõn nhưng có vẻ hơi xanh xao, gương mặt rất u buồn đến độ không muốn trả lời bất cứ câu hỏi gì. Hỏi đến hai ba lần nàng mới

trả lời ngắn gọn rằng mình cần giúp đỡ một việc. Nói tới đó nàng cúi mặt trên đầu đứa bé rồi khóc râm rít và không nói thêm, xem chừng có việc rất đau lòng và rất khó nói.

Vì đi tu từ nhỏ, ít có dịp tiếp xúc với phụ nữ, nên Báu vô cùng lúng túng, chỉ lặp đi lặp lại câu hỏi vài lần rồi cũng im bất ngờ thừ ra y hệt người phụ nữ xinh đẹp kia.

Một lúc sau người phụ nữ đứng lên bói rồi e thẹn xin về.

...

Vài hôm sau, cũng vào lúc trời sập tối, cũng vào lúc mưa rúc rắc, cũng vào lúc Báu nằm vắt vẻo trên chiếc võng giây bố giăng ở một góc chòi... người phụ nữ cũng ăn vận và khuôn mặt sầu buồn như lần trước lại bỗng con đến. Lần này Báu bạo dạn hơn, chào mời rồi vui vẻ trách người phụ nữ sao hôm trước không nói điều gì cần giúp đỡ. Đáp lại, người phụ nữ có vẻ vui hơn, nhưng cũng vẫn e ấp, ngập ngừng, ngồi im lặng tiếp cho đến khi ra về.

Tuy nhiên, khi cái điều người phụ nữ cần, Báu mong nghe... ấy chưa được nói ra để Báu nhiệt tình giúp đỡ, thì cái điều khác lại xảy đến. Đó là hai người bắt đầu thấy gần gũi dần, thân thiết dần với nhau, vì ban đầu cứ cách vài ba ngày người phụ nữ xinh đẹp đến một lần thì về sau nàng đến gần như vào mỗi buổi chiều – lúc trời đang tối dần-; ban đầu hai người còn ngại ngùng thì về sau càng tự nhiên; ban đầu nàng bỗng con mỗi khi đến thì về sau nàng chỉ đến một mình; ban đầu nàng đến với tay không thì về sau nàng mang theo khi thì thức ăn này khi thì thức ăn khác tiếp tế cho Báu –đang khi chú chàng ngày ngày... cơm rau cháo muối... còn chưa ổn nữa là!-.

...

Thế rồi... hai người yêu nhau!... Rồi! Xong!

Nói dứt câu Thời khoác tay ra dáng muốn nói “đó là kết cục đương nhiên, Trời cứu!”.

Thời kể tiếp.

Ôi! Với cảnh huống như “trời già sắp sắn” ấy, “trai anh hùng gặp gái thuyền quyền” (4)... hoài hoài mỗi đêm giữa đất trời như buổi hoang sơ lý tưởng... thì chỉ có dân nhà tu chúng ta mới không biết họ sẽ làm những “sự gì” tiếp theo... chứ nhỉ?

Tôi cười khoái chí khi phát hiện Thời cũng có cái duyên rất riêng. Thời hạ giọng thì thêm thêm một chi tiết.

Báu kể điều này: Cô nàng là vợ của một tay sĩ quan Biệt động quân, một loại lính thuộc hàng con cưng của quân đội lúc ấy, cưới hỏi xong để lại cho nàng một đứa con rồi ra đi biệt.

Thời gian tiếp theo, Báu bỗng trở nên rất khác trước: ít về nhà thờ họ đạo chính, né gặp cha sở và mọi người thân quen, lơ là với những nguồn cung cấp nếp sinh hoạt hằng ngày... thêm vào đó, Báu gần như uể oải và miễn cưỡng trong mọi công việc.

Thời sửa đổi thế ngồi như để bước sang “chương” khác.

Kể tiếp mình tóm tắt những lời giáo dân Muông Rền kể.

Giáo dân Muông Rền tuy chỉ năm mươi người năng lui tới nhà thờ, –năng có nghĩa mỗi tuần đến nhà thờ một lần; về sau có đông hơn lên chút ít do nhà thờ được chăm chút, các buổi đọc kinh biến thành các buổi cầu nguyện- nhưng dân cũng nhận ra điều gì đó bất thường đang xảy ra nơi ông thầy giúp xứ đẹp trai, khỏe mạnh, vui tươi, đầy sức sống và rất dễ thương... của họ.

Nhận ra thì nhận ra! Ai cũng phải quần quật tranh sống, ai cũng phải cố vật lộn với cuộc mưu sinh khắc nghiệt nhất là vào thời chiến và ai cũng phải ráng sống sót để cho con cháu một tương lai khá hơn... nên chuyện gì thuộc nhà thờ mọi người cứ bỏ lại cho nhà thờ ngay sau khi rời khỏi nơi đó.

Thế nhưng ngày càng thêm, không ai có thể bỏ qua được gương mặt thầy giúp xứ cứ ngày càng xanh xao vàng vọt, thân hình tiêu tụy trông thấy, dáng điệu ngày càng thần thờ, đôi mắt tinh anh ngày trước giờ trở nên lơ đãng, đôi lúc lại còn có vẻ như lạc phách thất thần nhìn về cõi xa xăm nào đó.

Không nghi mãi cũng phải ngờ. Số giáo dân ít ỏi có thiện chí bắt đầu đoán già đoán non đủ mọi hướng. Trong những hướng ấy có cả hướng nghi ngờ thầy Báu bị “bệnh âm”... tuy rằng nghi vấn ấy bị cánh đàn ông gạt phăng ngay vì họ không thể tin nổi “người tu hành”, “kẻ ở nhà Đức Chúa Trời” lại có thể bị ma quỷ ám hại, mà còn dám ám hại ngay trong nhà thờ sao!

Ở thôn quê thường nghĩ đến chuyện đó nhất là khi hết người này đến người kia hỏi han, thầy Báu cứ một mực miệng khẳng định mình rất khỏe mạnh, nhưng dáng dấp thì uể oải, lời nói thì áp úng, phong thái thì sợ sệt...

Mọi chuyện ngày càng cứ như treo lơ lửng trên đầu giáo dân Muồng Rền tội nghiệp”.

Nghe đến đây tôi nghĩ: Người nào có tính nóng nảy nghe Thờ kể chuyện tin chắc có lúc sẽ “tăng huyết áp đột ngột” vì cái cách kể chuyện “câu giờ” của anh chàng. Riêng tôi, tôi cảm thấy thú vị. Thờ nói tiếp:

Phụ nữ thì nhanh linh cảm, nhạy trực giác, khi đã đặt ra câu hỏi thì họ xông xáo đi tìm câu trả lời... Sáng chúa nhật kia sau giờ cầu nguyện, hai phụ nữ và một cô gái kéo nhau đi về phía sau nhà thờ, đột nhập vào tận căn chòi của thầy Báu trong lúc sắp đặt cho một ông giáo dân khác lãnh nhiệm vụ đưa thầy Báu đi thăm một gia đình giáo dân nguội lạnh ở cách nhà thờ vài cây số.

Các phụ nữ thuật lại quang cảnh trong phòng thầy Báu như sau. Khi ba người đến gần cửa căn chòi thì nghe có nhiều tiếng động lạ bên trong; ba người cố tin rằng đó là tiếng chuột phá mèo quậy; đẩy cánh cửa không khóa họ bước vào căn chòi, cả ba người như nhau đều cảm nhận một không khí lạnh lẽo, rờn rợn sóng lưng; chiếc ghế chông chơ như chẳng bao giờ dùng đến, chiếc bàn thì xô lệch bừa bộn; giường ngủ bê bối và bẩn thỉu như vừa có nhiều người nằm lăn nằm lộn; bếp dầu và nồi niêu vương vãi như vừa bị quậy phá thậm chí chén đĩa còn dính đầy bùn đất; nói chung, căn chòi giống như hoang phế từ lâu chẳng có ai ở, đừng nói là nơi ở của một người trẻ có học thức; bầu khí căn chòi lạnh lẽo và u tịch đến khó tả.

Sau cuộc thăm viếng bí mật và đột ngột ấy, những nghi vấn chẳng những đã không được giải tỏa mà còn có thêm nhiều nghi vấn khác chất chồng, đè nặng thêm lên.

Đôi lần giáo dân trình bày cho cha phó đến dâng lễ nghe mọi sự việc, nhưng cha phó rất thờ ơ, cứ dâng xong thánh lễ lại quày quả ra về.

Khuôn viên nhà thờ vào mỗi sáng chúa nhật có vẻ hơi rộn rã chút ít với những tiếng bước chân người lui tới, nhưng chỉ trong chốc lát -khoảng hơn nửa tiếng đồng hồ- mọi việc đâu lại vào đó: vắng lặng và u tịch. Khách quan mà nói, sau cuộc viếng thăm của ba phụ nữ, những người đàn ông có quan tâm hơn, có cảnh giác hơn.

Cũng từ hôm đó, nhiều sự kiện lạ liên tiếp xảy ra do giáo dân thuật lại, mình nêu vài sự kiện.

Một hôm có việc đi ngang qua nhà thờ vào buổi tối, một người đàn ông giáo dân khuyết tật - mất một cánh tay- thỉnh linh nổi hứng muốn rẽ vào thử để thăm thầy Báu. Ông kể lại. Khi vào gần đến căn chòi, ông nghe tiếng thầy Báu rên “hì... hì...”. Vì cánh cửa của căn chòi đóng kín, người đàn ông đập cửa kêu to:

- Thầy Tư ơi thầy Tư!

Vừa kêu được một câu, tiếng thầy Báu tự dưng im bật, đèn bỗng tắt phụp và không còn tiếng động gì nữa. Linh tính báo cho biết có điều gì lạ, người đàn ông gọi thêm vài tiếng nữa rồi rút lui.

Một lần khác vào sáng chúa nhật, lúc đang cùng với mọi người cầu nguyện trong nhà thờ, một phụ nữ giáo dân trẻ dắt con ra phía sau nhà thờ để bé đi vệ sinh. Nghe đồn đoán nhiều về “bệnh tình” của thầy giúp xứ, người phụ nữ trẻ vốn tò mò, nay sẵn tiện, muốn nhìn qua một lần nơi ở của ông thầy dễ thương, cho nên khi đưa bé còn đang đi ngoài, chị tiến đến căn chòi đang cửa đóng im ỉm. Chưa kịp đến gần chị đã nghe tiếng phụ nữ cười khúc khích bên trong căn chòi thầy Báu. Những tưởng thầy giúp xứ đang có khách xa đến thăm lưu lại, chị do dự chưa biết nên tiến hay lui thì lại nghe có tiếng khóc nức nở. Càng tò mò hơn, chị tìm một khe hở để ghé mắt nhìn vào

bên trong xem có chuyện gì; tìm được một khe hở giữa cánh cửa và tấm vách, nơi gắn bản lề cửa, chị ghé mắt nhìn vào. Bất thần bên trong, một con mắt đỏ như máu trừng trừng nhìn lại chị, con mắt ấy tiến đến và kề sát dần dần vào con mắt của chị với một vẻ giận dữ ghê gớm. Người phụ nữ trẻ hoảng sợ thét lên một tiếng rồi chạy bán sống bán chết về phía đứa con đang ngồi trong đám cỏ cao.

Thời kể đến đâu, tôi lặng im nghe đến đó, vừa nghe vừa suy thêm, tuyệt nhiên không dám chen vào đề hỏi, cốt câu chuyện vừa không bị gián đoạn vừa giữ nguyên dáng vẻ nguyên sơ của nó.

---

(1) Thành ngữ “kính nhi viễn chi” được hiểu kiểu bình dân là muốn mãi kính trọng ai, phải để người đó ở xa, vì đến gần sẽ nhờn nhả bớt đi lòng kính trọng. Hiểu như vậy nên mọi người mới dùng thành ngữ theo nghĩa ấy; kỳ thực thành ngữ này có nghĩa khác hẳn, bởi nó bắt nguồn từ một câu nói của Khổng Tử trong Luận ngữ - Ung dã: “Vụ dân chi nghĩa, kính quý thân nhi viễn chi, khả vị trí hĩ”, tạm dịch: làm việc nghĩa, có ích cho dân, tuy phải kính trọng quý thân (ý nói bề trên) nhưng không cầu cạnh quý thân, mà nên tránh xa quý thân, đó là trí. Có thể nói rằng, “Kính nhi viễn chi” chính là cách nói rút gọn từ câu “Kính quý thân nhi viễn chi”. Ngày nay, trong tiếng Việt, thành ngữ “kính nhi viễn chi” thường được dùng trong các trường hợp: Bề ngoài tỏ ra kính nể, tôn trọng một đối tượng nào đó, nhưng trên thực tế không muốn tiếp cận, gần gũi với đối tượng đó; hoặc thường dùng trong các trường hợp mỉa mai, châm biếm khi mình không muốn tiếp cận với một đối tượng nào đó. Ví dụ: Họ là những người có quyền uy thế lực, hô phong hoán vũ, giao du với họ là họa phúc khó lường, ai đó sẽ nói: “Tôi chỉ dám kính nhi viễn chi thôi!”.

(2) Cuối năm 4, theo nguyên tắc, thầy phó tế phải được thụ phong linh mục.

(3) Tu muốn là người tu ngang, không vào tu từ đầu ở tiểu chủng viện như mọi người, mà xin vào ngang xương khi đã lớn tuổi, rồi được mặc áo dòng và đi thử vài năm để được nhập vào đại chủng viện.

(4) Thuyền duyên: người con gái đẹp.